

GRID BIT DS

Màng chống thấm tổng hợp tự dính

Mô tả

GRID BIT DS là màng ngăn chống thấm gốc polymer hỗ trợ tăng cường khả năng kết dính bằng cách truyền nhiệt cảm ứng. Vật liệu gia cố là một loại vải khoáng tổng hợp có độ ổn định kích thước tuyệt vời và tính chất cơ học đặc biệt. Mặt trên của màng ngăn được bảo vệ bằng vải sợi polymer không dệt đặc biệt cho phép ứng dụng và vận chuyển trên hiện trường mà không ảnh hưởng đến lớp nhựa đường sau đó được đổ, đảm bảo thay thế cho sự kết nối hoàn hảo của nó. Mặt dưới có một lớp màng nhiệt dẻo có thể bóc bỏ.

Lĩnh vực ứng dụng

- Để cải tạo những con đường hoặc những đoạn đường xuống cấp.
- Để chuẩn bị đường băng sân bay và để sử dụng trong khu vực vận tải có trọng tải lớn.

Biện pháp thi công

Định vị cuộn trên bề mặt ứng dụng, mà không khô. Loại bỏ màng bóc ở mặt dưới, đảm bảo cung cấp cho các mép bên 10 cm và mép đầu 15 cm. Khi việc chống thấm đường diễn ra, nhựa đường phải được phủ trực tiếp lên màng mà không sử dụng bất kỳ lớp phân tách nào. Để biết thêm thông tin và khuyến nghị xin vui lòng tham khảo tài liệu kỹ thuật của PLUVITEC; Văn phòng kỹ thuật của chúng tôi luôn sẵn sàng đánh giá các vấn đề cụ thể và cung cấp hỗ trợ cần thiết để ứng dụng tốt nhất màng chống thấm của chúng tôi.

Lợi ích

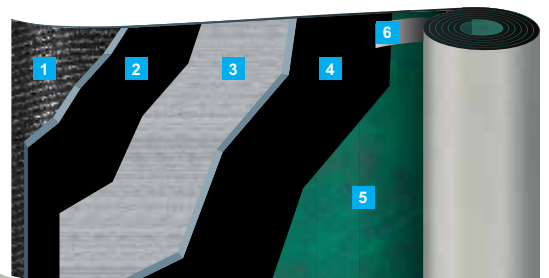
- Cấu trúc đặc biệt của GRID BIT DS phân phối và giảm ứng suất gây ra của tải trọng ứng dụng làm tăng khả năng chống mỏi và do đó, làm tăng tuổi thọ hữu ích của cấu trúc đường.
- Nó đảm bảo chống thấm hoàn toàn các lớp không liên kết và nền móng và chân đế, ngăn ngừa hiện tượng phù bùn và gia tăng các vật liệu nhỏ mịn.
- GRID BIT DS được ứng dụng lỏng lẻo (không kết dính với mặt nền) và nhanh chóng và dễ dàng: điều này có nghĩa là đường, cầu và khu vực đỗ xe không bao giờ cần phải chặn giao thông lâu.
- GRID BIT DS, khi được ứng dụng đúng cách dưới lớp nhựa đường dày 4 cm hoặc lớp nhựa tự chảy 6 cm, đảm bảo độ bám dính và chống thấm hoàn toàn của các lớp ở giữa.
- Một hệ thống rất thân thiện với môi trường, GRID BIT DS tương thích với tất cả các loại nhựa đường và có thể được nghiền ra để tái chế hoàn toàn. Không ảnh hưởng đến chức năng của máy nghiền và trạm trộn.

Thông số kỹ thuật

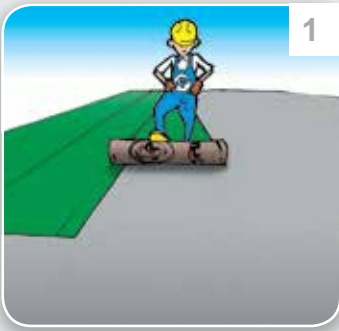
Gia cố và chống thấm để lát đường bằng cách đặt màng chắn đường giữa các lớp kết dính bitum, bao gồm màng địa nhiệt kết dính đúc sẵn với chức năng tái phân phối tải trọng và chống phù bùn, tương thích với các lớp kết tụ bitum nóng. Màng địa chất bao gồm vải thủy tinh tổng hợp có độ bền cơ học cao, với mặt trên được bảo vệ bởi vải polypropylen không dệt đặc biệt chịu giao thông, mà không ảnh hưởng đến lớp kết tụ bitum và với mặt dưới là chất kết dính nhiệt và một lớp màng nhựa nhiệt dẻo có thể bóc bỏ. Mép biên bên cũng có một lớp màng nhựa nhiệt dẻo có thể bóc bỏ. Độ dày của màng địa là 2,5 mm (EN 1849-1); nó có độ linh hoạt lạnh là -25°C (EN 1109), khả năng chống cháy > 100 ° C (EN 1110) và độ bền kéo (Dọc/Ngang) là 40 kN / m (EN 12311-1); độ giãn dài tại điểm gãy (Dọc/Ngang) là 5% (EN 12311-1), khả năng chống xé (Dọc/Ngang) 200/200 N (EN 12310-1) và khả năng chống đâm thủng tĩnh ≥ 15 kg; chống thấm dưới áp suất nước động 500 kPa (EN 14694), kháng cắt trên CLS ≥ 0,15 N/mm² (EN 13653), độ bền cắt trực tiếp LEUTNER giữa hai lớp kết hợp > 1.900 kPa, kháng lan truyền khúc xạ > 15.900 chu kỳ và cường độ chịu uốn động 4 điểm (4PB) > 33.000 chu kỳ.

Mặt cắt sản phẩm

1. Màng chống dính Silicon
2. Hợp chất chống thấm tự dính
3. Sợi gia cường polyeste đơn
4. Hợp chất chống thấm tự dính
5. Mặt PE
6. Lớp nilon tổng hợp không dệt



Hình ảnh thi công



MÀNG TỰ DÍNH SBS

Thi công

1. Định vị, không khò, GRID BIT DS trên mặt nền. (Hình 1)
2. Cung cấp mép gối nối cạnh và đầu giữa các tấm tương ứng là 10 cm & 15 cm, để đảm bảo hiệu suất cơ học của màng, phải loại bỏ màng bóc ở hai cạnh bên.
3. Loại bỏ màng bóc ở mặt dưới ra khỏi màng. (Hình 2)
4. Đổ nhựa đường nóng trực tiếp lên GRID BIT DS ở nhiệt độ tối thiểu + 130°C để đảm bảo cường độ bám dính hoàn hảo của GRID BIT DS được kích hoạt bởi sức nóng của nhựa đường. (Hình 3)

Khuyến cáo

Các cuộn phải được lưu trữ theo phương thẳng đứng, tốt nhất là trong nhà ở nơi khô ráo và thoáng khí, tránh xa các nguồn nhiệt và tránh xếp chồng chúng lên nhau để tránh các biến dạng có thể làm hỏng chúng. Bảo quản sản phẩm ở nhiệt độ trên 0°C. Khi lưu trữ nguyên bao gói, pallet không nên được xếp chồng lên nhau. Bề mặt ứng dụng phải mịn, khô và sạch. Phải thi công ở nhiệt độ cao hơn + 5°C. Phải ngừng thi công khi điều kiện thời tiết bất lợi (độ ẩm cao, mưa, v.v.). Các cuộn sản phẩm để trên pallet được lưu trữ trong kho thông thường.

Thông số kỹ thuật

Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Tiêu chuẩn	GRID BIT DS	Dung sai
Loại vật liệu gia cố			Vải gia cố tổng hợp	
Mặt trên			Lưới Polypropylene	
Mặt dưới			Màng bóc	
Chiều dài	m	EN 1848-1	15	±1%
Chiều rộng	m	EN 1848-1	1	±1%
Độ dày	mm	EN 1849-1	2,5	±5% (±0,1)
Khả năng linh hoạt lạnh	°C	EN 1109	-25	
Khả năng linh hoạt lạnh sau khi lão hóa	°C	EN 1296-1109	-15	+15°C
Chống cháy	°C	EN 1110	100	≥
Chống cháy sau lão hóa	°C	EN 1296-1110	90	-10°C
Độ bền căng Dọc/Ngang	kN/m	EN 12311-1	40/40	-20%
Giãn dài tại điểm gãy Dọc/Ngang	%	EN 12311-1	5/5	-15
Độ bền xé Dọc/Ngang	N	EN 12310-1	200/200	-30%
Kháng đâm thủng tĩnh	kg	EN 12730	20	≥
Kháng đâm thủng động	mm	EN 12691	1250	≥
Ổn định kích thước	%	EN 1107-1	-0,1	≤
Chịu lửa		EN 13501-5	F mái	
Phản ứng cháy		EN 13501-1	E	
Độ kín nước	kPa	EN 1928	60	≥
Độ kín nước sau khi lão hóa	kPa	EN 1847 EN 1928-B	60	≥
Độ kín nước động	kPa	EN 14694	500	≥
Độ kín nước động mỗi nối cạnh và đầu	kPa	EN 14694	500	≥
Khả năng tương thích bởi điều hòa nhiệt độ	%	EN 14691	80	≥
Cường độ bám dính	N/mm ²	EN 13596	0,4	≥
Độ bền cát	N/mm ²	EN 13653	0,15	>
Khả năng chịu nén của lớp nhựa đường		EN 14692	Pass	
Không thấm khí ở mép nối cạnh và đầu	kPa	Kiểm tra chân không EN 12730	15	≥
Thử sơn phủ trên thép	N/5 cm	UEAtc thông số kỹ thuật	40 - 73 max	≥
Thử sơn phủ trên thép sau khi lão hóa	N/5 cm	UEAtc thông số kỹ thuật	95 - 165 max	≥
Thử sơn phủ trên thép với Primertec AD	N/5 cm	UEAtc thông số kỹ thuật	40 - 73 max	≥
Thử sơn phủ trên thép sau khi lão hóa với Primertec AD	N/5 cm	UEAtc thông số kỹ thuật	140 - 220 max	≥
Khả năng chống chịu lực gió	kPa	UEAtc technical guide M.O.A.T. number 64	10	
Khả năng chống chịu lực gió đỉnh ghim	kPa	BRL 1511 Phần 1	7	
Khả năng chống chịu lực gió với thi công nóng	kPa	BRL 1511 Phần 1	5	
Thử nghiệm FM được phê duyệt			Class 1	
Đặc tính hiệu suất giữa hai lớp kết hợp, khả năng chống nứt - Nhựa đường mới - Thử nghiệm uốn linh hoạt 4 điểm (4PB)				
Tần số 1 Hz - Nhiệt độ 20°C	chu kỳ		33000	
Tải tối đa 0,8 kN				
Tần số 1 Hz - Nhiệt độ 20°C	chu kỳ		25000	
Tải tối đa 1,6 kN				
Đặc tính hiệu suất giữa hai lớp kết hợp, khả năng chống nứt (Universita di Ancona CIRS)				
Độ uốn động dưới tải trọng được kiểm soát			> 15900 chu kỳ	>
Sự biến động độ uốn động được kiểm soát	%		87 *	
Đặc tính hiệu suất giữa hai lớp kết hợp, khả năng chống cắt trực tiếp LEUTNER (Universita di Bologna DICAM)				
Chống cắt lớp trung gian	kPa		1986	
Tải cuối	kN		35,9	

* Giá trị gần hơn 100% cho thấy ít hoặc không có vật liệu bị hư hỏng, giá trị gần hơn 0% cho thấy thiệt hại đáng kể.

Sizes & packing

	2,5 mm	
Kích thước cuộn [m]	15x1	250x1
Số cuộn trên pallet	25	1
Số m ² pallet	375	250

Kích cỡ và đóng gói có thể thay đổi tùy thuộc vào loại vận chuyển. Dữ liệu kỹ thuật được cung cấp dựa trên các giá trị trung bình thu được trong quá trình sản xuất. Chúng tôi bảo lưu quyền thay đổi hoặc sửa đổi các giá trị danh nghĩa mà không cần thông báo trước hoặc tư vấn. Thông tin trong bảng dữ liệu này dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi. Chúng tôi không thể chịu trách nhiệm cho việc sử dụng sản phẩm không chính xác. Khách hàng phải lựa chọn theo trách nhiệm của mình một sản phẩm phù hợp với mục đích sử dụng.